

LỊCH SỬ VIỆT NAM

BIẾN CỐ VÀ SỰ KIỆN

(PHẦN CHÚ THÍCH CHO BỘ ĐẠI VIỆT SỬ THI – HỒ ĐẮC DUY)

LỜI KHẲNG ĐỊNH

Dân tộc Việt và lãnh thổ Việt Nam là một thực thể bất khả tư nghị.

Tương truyền vua của tộc Việt là Kinh Dương Vương, là dòng dõi vua Viêm Đế, họ Thần Nông, Thần Nông là một trong 5 vị thần dạy cho loài người biết cày bừa, trồng trọt, nguồn gốc của họ tộc Việt bắt nguồn từ vị thần linh này

Dân tộc Việt là con Rồng cháu Tiên bắt nguồn từ truyền thuyết Lạc Long Quân (Rồng) kết duyên với Âu Cơ (Tiên) sinh ra trăm trứng, nở ra trăm con, 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về Nam Hải, Lạc Long Quân phong con trưởng là Hùng Vương, nối ngôi vua.

Trải qua gần 5000 năm với bao thử thách sàng lọc của thiên nhiên và con người, dân tộc Việt vẫn tồn tại và phát triển.

Sự hiện hữu của mỗi người dân Việt sẽ phải là niềm tự hào của dân tộc và dân tộc Việt là niềm kiêu hãnh cho mỗi công dân

Tương truyền rằng :

ĐẾ MINH (2879 TCN).

Cháu ba đời của vua Thần Nông là ĐẾ MINH (2879 TCN).

Đế Minh rong chơi ngao du sơn thủy rồi dừng chân vùng Ngũ Lĩnh, ở đó Đế Minh cưới nàng Vụ Tiên, bà Vụ Tiên sinh ra Lộc Tục.

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Lộc Tục là Kinh Dương Vương vua nước Xích Quỷ, Lộc Tục lấy con gái Thần Long sinh ra Sùng Lãm, Sùng Lãm còn gọi là Lạc Long Quân.

LẠC LONG QUÂN

Lạc Long Quân cưới nàng Âu Cơ, Âu Cơ là con gái Đế Lai, bà sinh ra trăm con trai (tục truyền sinh trăm trứng). Một hôm vua bảo Âu Cơ rằng : " Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, thủy hỏa khắc nhau, dung hợp thật khó" Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về Nam Hải.

Lạc Long Quân phong con trưởng làm Hùng Vương, nối ngôi vua.

HÙNG VƯƠNG

Nước Văn Lang :Đông giáp biển Nam hải, Tây đến Ba Thục, Bắc đến hồ Động Đình, Nam giáp nước Hồ Tôn tức là nước Chiêm Thành. Kinh đô của Văn Lang ở Phong Châu nay là huyện Bạch Hạc (Vĩnh Phú) chia nước ra làm 15 bộ : Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức; đặt quan văn : Lạc Hầu; quan võ : Lạc Tướng.

Người Lạc Việt chuyên nghề nông, sống quanh vùng hạ lưu sông Hồng. Bấy giờ dân ở núi rừng thấy ở sông ngòi khe suối có tôm cá, nên rủ nhau đến bắt để ăn, thường bị thường luồng làm hại, đến thưa với vua. Vua bảo " Người man ở núi khác với các loài thủy tộc, các thủy tộc ưa cùng loài mà ghét khác loài cho nên mới bị chúng làm hại, rồi vua bảo mọi người lấy mực vẽ hình thủy quái ở mình , từ đấy mới có tục vẽ người, .

Văn hóa di chỉ còn lại Trống đồng và mộ táng.

Đời Hùng Vương thứ sáu có Phù Đổng Thiên Vương phá giặc Ân.

Đời Thành Vương nhà Chu (1063- 1026TCN) Văn Lang cống Trung Quốc chim trĩ trắng; Chu Công nói : "Chính lệnh không ban đến thì người quân tử không coi người ta là bề tôi của mình " nên Chu Công chế xe chỉ Nam đưa sứ giả nước ta về gọi là đáp lễ.

Đời Hùng Vương thứ 18 có công chúa Mị Nương sắc nước hương trời. Thục Vương định hỏi làm vợ, quần thần can vua Hùng không nên gả vì đó là âm mưu thôn tính Văn Lang của Thục Vương. Sau gả cho Sơn Tinh.

Thục Vương bị chối từ, thề rằng : sẽ tiêu diệt Văn Lang, còn Thủy Tinh thì dâng nước mỗi năm để đánh nhau với Sơn Tinh.

Về sau Thục Phán là hậu duệ của Thục Vương thôn tính Văn Lang và mở đầu nhà Thục.

AN DƯƠNG VƯƠNG

Năm Giáp Thìn (257 TCN) tức Chu Noãn Vương năm thứ 58 ở Trung Hoa, Thục Phán người của một bộ tộc gần Ba Thục, ông thôn tính Văn Lang, đổi quốc hiệu Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Xây thành Cổ Loa ở Việt Thường, chấm dứt thời đại vua Hùng kéo dài 2622 năm.

Thành Cổ Loa còn gọi là thành Tu Long - Xây mãi không được.

Thần Kim Quy mách chước trừ ma và cho móng làm nỏ thần để phòng bị khi có giặc.

Tần Thủy Hoàng, năm thứ 33 (214TCN) cho Nhâm Ngao làm Nam Hải úy (Quảng Đông), Triệu Đà làm Long Xuyên Lệnh (Long Xuyên là một phần đất Nam Hải), Triệu Đà đánh nhau với Thục Vương.

Thục chạy sang lấy Bình Giang làm ranh giới phân chia 2 bên. Bình Giang nay là sông Thiên Đức ở huyện Đông Ngàn.(Bắc Ninh)

Triệu Đà sai con là Trọng Thủy sang hầu làm quan túc vệ và cầu hôn con gái của Thục Vương là My Nương – Trọng Thủy đánh cắp nỏ thần và trở về phương Bắc - Triệu Đà tiến đánh Thục Vương.

Vương thua chạy ra bờ biển, thần Kim Quy hiện ra vua gọi : "Thần Kim Quy mau đến cứu ta" Rùa vàng nổi lên mặt nước mắng rằng : "Kẻ ngời sau ngựa là giặc đấy, sao không giết đi". Vua rút gươm chém chết My Châu, chỗ đó tục truyền là núi Dạ Sơn (Nghệ An), Trọng Thủy theo vết lông ngỗng tìm thấy xác và đem về chôn ở Loa Thành và nhảy xuống giếng mà chết.

Người sau được hạt Minh Châu ở biển Đông, lấy nước giếng ấy mà rửa, sắc ngọc càng sáng hơn.

Thục Vương làm vua từ năm Giáp Thìn đến Quý Ty là hết, tất cả được 50 năm (257 - 208 TCN).

Triệu Đà người Chân Định thôn tính Lĩnh Nam, Quế Lâm, Tượng Quận xưng Nam Việt Vương, đóng đô ở Phiên Ngung.

TRIỆU ĐÀ (207-136 trước CN)

Họ Triệu, nhân lúc nhà Tần suy loạn, giết trưởng lại Tần, chiếm giữ đất Lĩnh Nam, xưng đế, đòì ngang với nhà Hán, hưởng nước truyền ngôi 100 năm mới mất,

Tên húy là Đà, người huyện Chân Định nước Hán, đóng đô ở Phiên Ngung (nay là tỉnh Quảng Đông).

Lưu Bang (Hán Cao Tổ) (196TCN) sai Lục Giả sang phong vương và trao ấn trát phù làm tin. Triệu Đà hỏi Lục Giả : "Ta và Vua Hán ai hơn".

Năm Mậu Ngọ (1 83 TCN) vua xưng làm Hoàng đế đem quân đánh quận Trường Sa của nhà Hán.

Hiếu Văn Đế còn gọi là Đại Vương Hằng hay Hán Văn Đế. Người có tài trị nước và ngoại giao tuyệt thu phục được Triệu, đó chỉ vì biết sai người đến Châu Định để sửa sang mồ mả tiên nhân của Triệu Đà và phong cho anh em bà con Triệu Đà quan tước

Hiếu Văn Đế phong Lục Giả làm Thái Tùìng Đại phu, sang giao hiếu với Triệu Đà, Triệu Đà cảm kích lòng nhân ái của Vua Hán nên xin làm Phiên Vương.

Triệu Đà làm vua được 71, năm thọ 121 tuổi (256 - 136 TCN).

VĂN VƯƠNG (136 – 125 TCN)

Ở ngôi 12 năm, thọ 52 tuổi.

Vua lấy nghĩa để cảm nước láng giềng, đánh lui địch, yên biên cảnh, cũng là bậc vua có ý muốn thịnh trị vậy.

Tên húy là Hồ, con trai Trọng Thủy, cháu của Triệu Đà, lên ngôi lúc 40 tuổi, làm vua được 12 năm hiệu là Văn Vương Hoàng đế .

Năm Bính Ngọ (135 TCN) Mân Việt Vương Sính xâm lấn biên ấp nước ta, Vua giữ lời ước với nhà Hán từ thời Triệu Đà, không tự tiện dấy quân, sai người đem thư nói về việc đó với nhà Hán, Vua Hán là Kiến Nguyên khen là có nghĩa nên phát đại binh, sai Vương Khôi xuất quân từ Dự Chương, Hàn An Quốc từ Cối Kê để đánh Mân Việt.

Để tỏ lòng biết ơn Văn Vương cho con là thái tử Anh Tề sang Hán làm con tin. Anh Tề đã có vợ người Việt nhưng khi sang Hán thì lấy thêm Cù Thị ở Hàm Đan, sinh được con trai là Hưng.

MINH VƯƠNG (124 – 113 TCN)

Ở ngôi 12 năm.

Vua không cẩn thận mối vợ chồng, gây thành loạn cho quốc gia, không có gì đáng khen.

Tên húy là Anh Tề, con trai trưởng của Văn Vương. Anh Tề lên ngôi hiệu là Minh Vương,

AI VƯƠNG (112 TCN)

Tên húy là Hưng, con thứ của Minh Vương. Khi Anh Tề chết. Hưng tên thụy là Ai Vương nối ngôi. (125- 113 TCN) Cù Thị mẫu hậu chuyên quyền, An Quốc Thiếu Quý thông dâm với người Bá Lăng nước Hán.

Lữ Gia làm tể tướng dâng thư can gián vua và Mẫu hậu không nghe. Lữ Gia giết vua và lập con trưởng của Anh Tề là Thuật Dương Vương hầu Kiến Đức lên làm vua,

THUẬT DƯƠNG VƯƠNG (111TCN).

Ở ngôi 1 năm (111TCN).

Xã tắc họ Triệu, Cù hậu làm cho nghiêng, gốc đã nhỏ trước rồi, ngọn cũng theo mà đổ.

Tên húy là Kiến Đức, con trưởng của Minh Vương và người vợ Việt. hiệu là Thuật Dương Vương.

Thuật Dương Vương ở ngôi một năm (113 TCN) sau bị Phục Ba tướng quân Lộ Bác Đức và Dương Bộc giết chết cùng với tể tướng Lữ Gia.

Tóm tắt các vua họ Triệu :

Họ Triệu từ Vũ Đế (Triệu Đà đến Thuật Dương Vương gồm có 5 đời tổng cộng làm vua được 97 năm (207 - 111 TCN)

Sau khi thôn tính Lĩnh Nam, nhà Hán chia đất nước làm chín quận là Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đạm Nhĩ đặt thứ sử cai trị một châu, thái thú cai trị một quận (quận cấp dưới của châu).

Phong Thạch Đái (110 TCN) làm thứ sử Giao Châu, Tích Quang làm thái thú và sau là Nhân Diên rồi Tô Định, đó là thời kỳ Bắc thuộc đời Tây Hán. Trưng Trắc nguyên là họ Lạc, con gái Lạc tướng, huyện Mê Linh, đất Phong Châu vợ của Thi Sách ở huyện Chu Diên. Thi Sách cũng là con Lạc tướng hai nhà kết nghĩa thông gia. Thù Tô Định giết chết chồng mình, cùng em là Trưng Nhị, nổi binh đánh lại. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố theo về.

TRUNG VƯƠNG (40- 43)

Ở ngôi 3 năm (40-43).

Vua lấy được 65 thành trì xưng là Trưng Vương, đóng đô ở Mê Linh. Ở ngôi được 3 năm, vua Hán Kiến Vũ sai Phục ba tướng quân Mã Viện cùng phó tướng Lưu Long sang đánh. Bà Trưng giết được tướng Hàn Vũ, về sau quân sĩ yếu dần, vua bà rút lui về Cẩm Khê. Trong một trận giao tranh ác liệt hai bà gieo mình xuống sông Hát Giang hy sinh.

Vua rất hùng dũng, đuổi Tô Định, dựng nước xưng vương, nhưng vì là vua đàn bà, không thể làm nên công tái tạo.

Tính theo dương lịch thì bà Trưng Trắc hy sinh cùng thời với chúa Jêsus, người khai sinh ra đạo Thiên Chúa, có lẽ vua bà kém chúa Jêsus khoảng 10 - 15 tuổi. Một bộ tướng của Trưng Vương là Đô Dương rút quân vào núi về Lương Nam, vào Thanh Hóa để tiếp tục kháng chiến.

Khi Mã Viện bình định xong, lão cho đúc một cột đồng và thề rằng cột đồng này gãy thì Giao Châu mất. Quân Đông Hán tha hồ vơ vét của cải và bóc lột nhân dân Việt Nam.

SĨ VƯƠNG ()

Ở ngôi 40 năm, thọ 90 tuổi.

Là người khoan hậu khiêm tốn, lòng người yêu quý, giữ vẹn đất Việt để đương đầu với sức mạnh Tam quốc, đã sáng suốt lại mưu trí, đáng gọi là người hiền.

Họ Sĩ, húy là Nhiếp, người huyện Quảng Tín, quận Thương Ngô.

Năm Đinh Sửu (137) Khu Liên, thủ lĩnh người Nam Chiếu, xưng vương, qui tụ dân ở quận Nhật Nam và huyện Tượng Lâm (huyện gần cuối của đất Nhật Nam)

đa số người thuộc dân tộc Chăm. Đến năm 192 cuộc nổi dậy thành công, thành lập ra nước Lâm Ấp (Lâm Ấp có lẽ là do chữ Tượng Lâm huyện hay Tượng Lâm Ấp, về sau bỏ chữ Tượng nên còn lại Lâm Ấp), thế kỷ VII đổi thành Hoàn Vương sau đổi là Chiêm Thành (Champa), .

Năm Giáp Tý (184) vua nhà Hán phong Lý Tiến làm thứ sử, Sĩ Nhiếp làm thái thú thời gian này là lúc nước Trung Hoa đại loạn, đó là thời kỳ Tam Quốc gồm có Lưu Bị, Tào Tháo và Tôn Quyền. Việc đô hộ dân ta tùy theo sự tranh giành quyền lực ở Trung Hoa.

TRIỆU THỊ TRINH (248) BÀ TRIỆU

Năm Bính Dần (204) bà Triệu Thị Trinh cùng anh là Triệu Quốc Đạt phát cờ khởi nghĩa ở Núi Nứa giết chết tên thứ sử nhà Ngô.

Bà Triệu là người có sức khỏe, gan da, mưu trí, năm 19 tuổi cùng anh lập căn cứ ở Phú Điền, đó là một thung lũng nằm giữa hai núi đá vôi vừa gần biển lại vừa gần cửa ngõ từ đồng bằng phía bắc vào, lúc đầu anh bà có ý can ngăn vì sợ phạm gái đào tơ, bà trả lời :Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp bằng sóng lữ, chém cá kình ở biển đông, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không thèm cúi đầu, còng lưng để làm ti thiếp cho người ta" Mỗi lần ra trận bà thường mặc áo giáp vàng, đi guốc ngà, cài trâm vàng, cưỡi voi dẫn quân xông trận, oai phong lẫm liệt, tự xưng là Nhụy Kiều Tướng Quân, quân Ngô kinh hồn bạt vía phải thốt lên

Hoành dương hổ dị

Đối diện Bà Vương nan

(vung giáo chống hổ thì dễ, giáp mặt Bà Vương khó)

Tôn Quyền, chúa Đông Ngô, phải vội đưa một viên tướng giỏi là Hành Dương và đốc quân đô úy Lục Dận qua đàn áp. Bà Triệu còn được tôn là Lệ Hải Bà Vương.

Bà Triệu quê ở Quan An thuộc quận Cửu Chân; Bà hy sinh ở trên núi Tùng cạnh sông Lương. Theo truyền thuyết thì bà hy sinh ngày 1.4.248 về sau dân chúng lập đền thờ.

Đào Hoàng là một thú binh nổi lên đánh phá, đuổi viên thái thú Cửu Chân, giữ chính quyền họ Đào thay nhau làm thứ sử thái thú 4 đời.

Đào Hoàng Thứ sử Giao Châu dâng thư cho Tấn Vương báo như sau :Giao Châu ngoài cách Lâm Ấp nghìn dặm, Tướng Lâm Ấp là Phạm Hùng đời đời trốn tránh làm giặc tự xưng vương, nhiều lần đánh phá trăm họ, vả lại nước ấy nối liền với nước Phù Nam rất nhiều chủng người bè đảng dựa nhau cậy thế đất hiểm không thần phục.."

Năm Quý sửu 413 tháng 2 Vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt cướp quận Cửu Chân . Tuệ Độ quan cai trị của Trung Quốc đánh chém được.

Năm 415 Quân Lâm Ấp xâm chiếm Giao Châu

Lợi dụng tình thế loạn lạc, bất an ở Giao Châu, vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt đem quân chiếm Giao Châu và các vùng lân cận. Đó là thời vàng son nhất trong tất cả các triều đại của Chiêm Thành.

Năm 420 Tuệ Độ đánh Lâm Ấp, chém giết rất nhiều người, Lâm Ấp xin hàng, những người Giao Châu trước bị bắt được trả về

Năm 432 Mùa hạ tháng năm Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nước Tống xin lãnh đất Giao Châu Vua Tống xuống chiếu trả lời không cho vì đường xa

Năm 436 Vua Tống sai Đàn Hòa Chi đánh Lâm Ấp. Trước kia, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nhưng vẫn không thôi cướp bóc, nên sai đem quân đánh. Bấy giờ người quận Nam Dương là Tông Xác nếp nhà đời đời Nho học, riêng Xác thích việc võ, thường nói : " Muốn cưỡi gió lớn, phá sóng muôn dặm " Vua cho Xác làm Chấn Vũ tướng quân - Khương Trọng Cơ làm thuyết khách đến gặp Mại nhưng Mại bắt giữ . Hòa Chi giận lắm sai Xác đánh Phạm Dương Mại, hạ thành Khu Túc , chém tướng Chân Lạp là Phù Long và tiến vào Tượng Phố. Quân Lâm Ấp thua to, Phạm Dương Mại cùng các con chạy thoát, quân Tống thu vô số châu báu, vàng bạc không biết bao nhiêu mà kể, riêng Tông Xác không lấy thứ gì, ngày về nhà chỉ có khăn áo xác xơ

Các quan lại đô hộ phần nhiều là bọn ác ôn bóc lột, tranh ăn, giết hại lẫn nhau để giành chức tước. Điển hình trong thời kỳ này có Lương Thạc (323) và Tuệ Đô (411) là 2 tên quan lại không những khét tiếng hà khắc dân Việt mà còn đối xử tàn bạo, mất hết nhân tính đối với chính đồng bọn của chúng.

Năm 468 đời Tống, Lý Trường Nhân tự xưng là thứ sử, vua Tống sai Nam Khang Tướng là Lưu Bật sang đánh, bị Nhân bức hại.

Năm 485 đời Tề, Lưu Khải được làm thứ sử.

Năm 516 Lý Tắc chém Ly Tông Bảo là dư đảng của Nguyễn Khải và đoạt chức thứ sử.

LÝ NAM ĐẾ (541-547)

Ở ngôi 7 năm (541-547)

Năm Tân Dậu (541) vua họ Lý, húy là Bí, người Thái Bình, phủ Long Hưng lên ngôi xưng Nam Đế, đặt quốc hiệu VẠN XUÂN đóng đô ở Long Biên, xây cung Vạn Thọ làm nơi triều hội đạt văn, võ trăm quan định ra luật lệ cai trị.

Năm Ất Sửu (545) vua nhà Lương là Lương Đại Đồng cho Dương Thiên làm thứ sử Giao Châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã, đi tiên phong sang đánh Lý Nam Đế. Khi Tiên đến Giao Châu thì Lý Nam Đế đem 3 vạn quân ra chống cự và bị thua ở đất Chu Diên, rồi thua thêm trận ở bờ sông Tô Lịch - Địch chiếm thành Gia Ninh, vua rút vào hồ Diên Triệt để đánh du kích đợi cho địch hết lương và bị hao tổn binh tướng vì thủy thổ.

Nhưng Trần Bá Tiên là một tay giỏi binh vận, y nói với các tướng : "Quân ta ở đây đã lâu, tướng sĩ mỏi mệt và lại thế cô, không có tiếp viện... nếu không đánh thì đừng mong sống sót" bèn đánh nhân lúc nước dâng tràn ngập, nước cao đến 7 thước. Quân Lý Nam Đế tan rã.

TRIỆU VIỆT VƯƠNG(548-570)

Ở ngôi 23 năm (548-570). Vua họ Triệu, húy là Quang Phục, con của Triệu Túc người huyện Chu Diên.

Vua trao quyền lại cho Triệu Quang Phục, Phục là người Chu Diên, cha là Triệu Túc ; Phục là người uy tráng, dũng liệt, theo Nam Đế đi đánh dẹp có công được trao cho chức tả tướng quân" – Triệu Quang Phục dời đô từ Long Biên về Vũ Ninh.

Anh hùng hào kiệt tụ về rất đông dưới trướng, Triệu Quang Phục lấy đầm Dạ Trạch để cất giấu binh lương và huấn luyện dân binh, làm căn cứ địa, đại bản doanh đặt tại đó. Triệu Quang Phục được người đời gọi là Dạ Trạch Vương.

Sau khi giết Dương Sâm là tướng giặc, thống nhất đất nước, xưng vương gọi là Triệu Việt Vương.

Anh của Lý Nam Đế là Lý Thiên Bảo cùng với Lý Phật Tử chạy trốn vào đất của người Di Lao khi quân Lương xâm chiếm nước ta, bôn ba hải ngoại, xưng là Đào Lang Vương.

Vua giữ đất hiểm, dùng kỳ binh để đánh giặc lớn, tiếc vì quá yêu con gái đến nỗi mắc họa vì con rể.

LÝ PHẬT TỬ (571 – 602)

Ở ngôi 32 năm (571-602) Vua họ Lý, húy Phật Tử.

Triệu Quang Phục thống nhất. Lý Phật Tử về đòi chia giang sơn vì cho là của Lý Nam Đế. Phục nghĩ tình chúa cũ, chia đất cho để ở, Lý Phật Tử dùng con trai là Nhã Lang xin cưới con gái vua là Cảo Nương. Nhân khi Vua không đề phòng,

Lý Phật Tử đoạt ngôi, đóng đô ở Ô Diên, sau dời về Phong Châu – đó là một người quỷ quyết xảo trá đầu hàng ngay khi quân giặc nhà Tùy do Lưu Phương tiến sang. Vua dùng thuật gian trá để gồm lấy nước, mới thấy bóng giặc đã hàng trước, việc làm trước sau đều phi nghĩa.

Lý Nam Đế làm vua được : 7 năm (541 - 547). Triệu Quang Phục được 23 năm (548 - 570) ; Lý Phật Tử được 32 năm (571 - 602). Sau thời kỳ đô hộ của nhà Tùy suy đến nhà Đường năm Mậu Dần (618) đổi Giao Châu làm An Nam đô hộ phủ –

Quan quân nhà Đường ra tay bóc lột nhân dân, cướp bóc của cải vàng bạc, châu báu và tài nguyên đất nước. Trong thời gian này nhiều nhân vật nổi lên chống lại ách thống trị của ngoại bang

LÝ TỰ TIÊN (678)

Lý Tự Tiên nổi lên đoạt chính quyền trong tay bọn quan lại Trung Hoa sau bi Lưu Diên Hựu giết

ĐINH KIẾN (678)

Đinh Kiến là bộ tướng của Lý Tự Tiên tập hợp nhân dân và giết chết Lưu Diên Hựu nắm giữ chính quyền được vài năm.

MAI THỨC LOAN (722)

Năm Quý Sửu (713) Mai Thúc Loan mới thống nhất được đất nước.

Mai Thúc Loan người đất Hoan Châu, là người mưu lược văn võ song toàn, có óc phán đoán nhạy bén – là người Việt đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đã đề ra một kế hoạch liên minh các nước lân bang, họp thành một khối đồng minh để chống lại áp lực chính trị quân sự và kinh tế của Trung Hoa trong thời kỳ đó.

Sự thành lập được một liên minh đó phải nói là thành công rực rỡ. Dưới tay Mai Hắc Đế, lực lượng quân đồng minh là 400.000 quân, đó là một điều quá vĩ đại vượt khỏi sức tưởng tượng đương thời.

Sự khôn ngoan của vua Đường là đánh thần tốc vào Giao Châu bằng con đường tắt mà ngày xưa Mã Viện đã đi qua và ông ta ra lệnh cho bộ tướng là Dương Tư Húc

Tấn công bất ngờ của Dương Tư Húc làm tan rã nhanh chóng đầu não của liên minh, kéo theo sự sụp đổ của triều đại Mai Hắc Đế – Ông ở ngôi được 10 năm (713 - 723).

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG (789)

Mấy chục năm sau, con một bộ tướng của Mai Thúc Loan là Phùng Hạp Khánh, tên Phùng Hưng một người kiệt xuất có sức mạnh phi thường vật ngã trâu, tay không bắt hổ nổi lên đánh đổ lũ quan lại đô hộ Trung Hoa

An Nam Đô Hộ Phủ bấy giờ là Cao Chính Bình, một tên quan lại Tàu tham tàn, bắt dân đóng góp quá nặng Phùng Hưng cùng em là Phùng Hải phát cờ khởi nghĩa, Hưng xưng là Đô Quyên - đánh nhau với Cao Chính Bình lâu ngày không thắng được - nghe theo kế của Đỗ Anh Hàn vây chặt phủ bộ - Cao Chính Bình lo sợ mà chết.

Sau khi chiến thắng quân xâm lược phương bắc, ông lên ngôi xưng vương, dân tôn là Bố Cái Đại Vương, rất tiếc là ở ngôi chỉ có 7 năm, ông mất năm 789 ông đã để lại một tấm gương anh hùng, yêu nước.

PHÙNG AN (789-791)

Nổi nghiệp cha cầm quyền, sau bị Triệu Xương đàn áp và cuối cùng thì đầu hàng

Sau thời kỳ này, nước ta rơi vào cơn loạn lạc. Nan đói xảy ra liên tiếp thiên tai, lụt lội động đất, quan lại Trung Hoa bóc lột. Dân tình lâm than. Quân Nam Chiếu tha hồ quấy phá, đất Giao Châu lúc bấy giờ tan nát đến tận cùng. Người Nam Chiếu coi như đất của họ. Quân Nam Chiếu đánh quân nhà Đường ra khỏi Giao Châu, giết chết thái thú.

DƯƠNG THANH (820)

Ông là một hào trưởng đất Hoan Châu, được nhà Đường cho làm thứ sử đất này, Lý Tượng Cổn là tên quan đô hộ tàn ác, ông nổi lên giết chết đoạt lấy chính quyền, sau ông bị giết năm 820

Năm Mậu Dần (850) là một năm đầy thảm họa đối với Giao Châu, trong thì đô hộ Lý Trác tham lam, tàn bạo hà hiếp nhân dân ; ngoài thì Nam Chiếu quấy phá và 2 lần chiếm hẳn đất Giao Châu, đặt luôn quan cai trị.

Nam Chiếu hai lần cai trị đất Giao Châu. Trong các cuộc chiến tranh này quân Nam Chiếu vừa giết vừa bắt đi gần 15 vạn người. Khi rút lui, Nam Chiếu để lại 2 vạn quân và giao cho Tư Tấn trấn giữ Giao Châu.

Sau vua Nam Chiếu cho thuộc hạ là Đoàn Tù Thiên làm tiết độ sứ phủ Giao Châu.

Năm Giáp Thân (864) vua Đường cho Cao Biền sang thay và đánh đuổi quân quân Nam Chiếu ra khỏi đất Giao Châu.

Cao Biền là người có kế sách thôn tính Giao Châu lâu dài, y tăng cường các biện pháp thống trị, cho khai khẩn, di dân, làm đường giao thông, mở mang kinh tế...Tình hình xã hội tạm ổn định, bọn quan lại đô hộ Trung hoa lại bắt đầu bóc lột dân ta, bỏ lơ việc phòng bị

Năm Canh Tý (880) Tên quan đô hộ là Tăng Cổn bị Nam Chiếu đánh bỏ chạy về nước. Vua nhà Đường cạn thế phải cầu hòa Nam Chiếu và hứa gả công chúa cho vua Nam Chiếu.

KHÚC THỪA DỤ (905-907)

Năm Ất Sửu (905) Khúc Thừa Dụ, người Hồng Châu, chớp thời cơ nổi dậy chiếm thành Đại La xưng là Tiết độ sứ, xây dựng chủ quyền.

KHÚC HẠO (907-917)

Năm 907, Khúc Thừa Dụ chết, con là Khúc Hạo lên thay. Khúc Hạo là người tài ba thao lược, một nhà chính trị giỏi, thiết lập hệ thống hành chính và quản lý dân sự lấy các tiêu chuẩn như khoan dung, giản dị, yên ổn, vui vẻ để làm phương châm trị nước, lấy dân làm trọng.

Chia nước ra làm bộ, châu, giáp và xã, đứng đầu mỗi giáp là có quản giáp, mỗi xã là lệnh trưởng, sắp đặt các chức tước, lựa người tài giỏi để làm việc dân. Bình quân thuế ruộng cho dân.

Có đường lối ngoại giao khôn khéo đối với người Trung Hoa, thiết lập ngoại giao, cho người qua lại buôn bán thông thương đồng thời dò xét được ý đồ của phương Bắc. Với Chiêm Thành, Chân Lạp, phân định biên giới rõ ràng và cắt đặt các đội biên phòng để kịp thời ứng phó vì người Chiêm Thành hay đưa quân sang cướp phá quá nhiều

Khúc Hạo cầm quyền được 10 năm thì qua đời.

KHÚC THỪA MỸ (917-930)

Con là Khúc Thừa Mỹ lên thay.

Nước Trung Hoa đổi chủ từ Lương sang Hán. Khúc Thừa Mỹ quyết định giao thiệp với nhà Lương, nên cho sứ thần của ta sang nhận cờ Tiết việt (đó là loại cờ tượng trưng cho quyền uy phong kiến, người nhận cờ là phiên thuộc của vua...) Việc đó làm cho Vua Nam Hán vô cùng tức giận, xem đó như là một lời sỉ nhục, vả lại vua Nam Hán lại muốn bành trướng lãnh thổ về phương nam nên năm 923 sai kiêu tướng là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh Giao Châu

Khúc Thừa Mỹ bị quân Tàu bắt đem về Trung Hoa, Lý Khắc Chính lấy bộ tướng của mình là Lý Tiến cùng ở lại cai trị Giao Châu

Họ Khúc cầm quyền được 25 năm

Năm Canh Dần (930) quân Nam Hán chiếm Giao Châu, lấy thành Đại La, châu Hoan, châu Ái, cử thứ sử Lý Tiến cùng Lương Khắc Trinh, Trình Bảo, rồi cử quân tiến đánh Nam Chiếu

Quân Nam Hán tuy là chiếm được đất Giao Châu nhưng chúng chỉ kiểm soát ở chung quanh thành Đại La, chứ bên ngoài và các châu, phủ khác đều dưới quyền kiểm soát của Dương Đình Nghệ

DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ (931-937)

Dương Đình Nghệ (Dương Diên Nghệ) là một bộ tướng của họ Khúc, người Dương Xá. Trong nhà của Nghệ lúc nào cũng có 3.000 quân binh được huấn luyện kỹ lưỡng.

Dương Đình Nghệ giết Lý Khắc Chính, Trình Bảo và đuổi Lý Tiến, giành chủ quyền, độc lập lại cho đất nước

Dương Đình Nghệ đánh đuổi đám tàn quân và làm chủ đất nước từ năm Tân Mão (931) tự xưng là Tiết độ sứ Giao Châu, sau bị nha tướng là Kiều Công Tiễn mưu hại giết chủ, đoạt chức năm 937.

Kiều công Tiễn là một người tham lam, hung ác làm lòng người oán hận, nhân dân nổi lên chống lại tên phản phúc, tham quyền hại chủ, Kiều công Tiễn thấy nguy hiểm bèn cho người sang Trung Hoa cầu cứu

NGÔ QUYỀN (938-944)

Ở ngôi 6 năm, thọ 47 tuổi (898-944).

Ngô Quyền là bộ tướng của Dương Đình Nghệ thấy rõ manh tâm của tên bán dân, hại nước này nên đã đứng ra lãnh đạo quần chúng chống lại bọn chúng

Năm Mậu Tuất (938) chúa Nam Hán là Tấn Thiên Phúc muốn nhân cơ hội khi nước ta nội loạn đem quân sang thôn tính, bên sai con là Vạn vương Hoàng Tháo làm Tiết hải quân tiết độ sứ, đổi tước phong là Giao Vương, đem quân xâm chiếm nước ta dưới danh nghĩa là cứu Kiều Công Tiễn.

Vua Hán tự làm tướng đóng ở Bắc Bạch Hải Môn để chi viện. Hoàng Tháo đem chiến thuyền theo sông Bạch Đằng mà tiến vào, Tháo chưa kịp tới thì Ngô Quyền đã giết Kiều Công Tiễn.

Ngô Quyền bảo các tướng tá rằng : "Hoàng Tháo là đứa trẻ khờ dại, đem quân từ xa đến, quân lính còn mệt mỏi lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng đã mất vía trước rồi, quân ta lấy sức còn khoẻ mà địch với chúng..." bèn sai người đem cọc lớn vạt nhọn, đầu bịt sắt, đóng ngầm ở cửa biển, khi nước triều lên Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua để dụ địch đuổi theo. Khi nước triều hạ, quay lại tấn công. Thuyền địch mắc vào cọc ngầm lật úp, rồi loạn tan vỡ. Quyền thừa thắng đuổi bắt được Hoàng Tháo giết đi. Vua Hán đau khóc, thu nhặt tàn quân rút về.

Ngô Quyền đã kết thúc một ngàn năm đô hộ của ngoại bang và mở đầu kỷ nguyên độc lập lâu dài của dân tộc.

Ngô Quyền người Đường Lâm thuộc giòng quý tộc cha là Mân làm chức Châu mục ở Bàn Châu. Khi vừa mới sinh có ánh sáng lạ đầy nhà, diện mạo khác thường, có 3 nốt ruồi ở lưng, khi lớn lên khôi ngô, tuấn tú, dáng đi thong thả như hổ, mắt sáng như chớp, có trí dũng, sức có thể nâng được vạc.

Dương Diên Nghệ gả con gái và cho Quyền quận Ái Châu.

Sau khi đánh thắng Nam Hán, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Loa thành, lập Dương Thị (Dương Vân Nga là con gái của Dương Diên Nghệ) làm hoàng hậu, đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục. Hưởng dương 47 tuổi, lên ngôi 6 năm (898 - 944).

DƯƠNG TAM KHA (945-950)

Ở ngôi 6 năm.

Dương Tam Kha là anh của Hoàng hậu, sau khi Ngô Quyền chết, cướp ngôi của cháu là Xương Ngập tiến xưng là Bình Vương.

Kha bắt Ngô Xương Văn là em Xương Ngập, đem về làm con nuôi, Kha làm vua được 6 năm, sai Xương Văn và hai tướng là Đỗ Cảnh Thạc và Dương Cát Lợi đi đánh hai thôn Thái Bình (Sơn Tây) nổi loạn. Nửa đường Xương Văn bảo hai sứ : "Đức của tiên vương ta thấm khắp lòng dân, phạm chính lệnh ban ra không ai không vui lòng nghe theo, không may lìa bỏ quần thần. Bình vương tự làm việc bất nghĩa..." Hai tướng nghe theo bèn đem quân quay về đánh úp Bình Vương.

NAM TẤN VƯƠNG (951-965).

Ở ngôi 15 năm (951-965).

Vua nổi được kỹ cương hoàng gia, khôi phục cơ nghiệp cũ. Tiếc rằng gây việc can qua trong nước đến nổi chết.

Vua tên húy là Xương Văn, con thứ của Tiên Ngô Vương

Ngô Xương Văn cùng anh là Xương Ngập trông coi việc nước ; Xương Văn xưng là Nam Tấn Vương, Ngập là : Thiên Sách Vương ở ngôi được 15 năm (951 - 965).

Ngập chuyên quyền, anh em lũng củng gây họa 12 sứ quân.

1/ Lý Khuê chiếm giữ Siêu Loại;

2/ Phạm Bạch Hổ có tên là Phạm Phòng Át chiếm giữ Đàng Châu;

3/ Nguyễn Khoan chiếm Tam Đái;

4/ Đỗ Cảnh Thạc chiếm Đỗ Động Giang

5/ Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều; Họ Ngô, húy là Xương Xí, khi Thiên Sách Vương (Ngô Xương Ngập) lánh nạn, lấy vợ ở Nam Sách Giang sinh ra, là cháu gọi Nam Tấn Vương bằng chú.

6/ Nguyễn Siêu chiếm Tây Phù Liệt;

7/ Lã Đường chiếm Tế Giang;

8/ Trần Lãm còn gọi là Trần Minh Công, chủ tướng của Đinh Bộ Lĩnh chiếm Bố Hải Khẩu

9/ Kiều Thuận chiếm Hôi Hồ ;

10/ Ngô Nhật Khánh chiếm Đường Lâm;

11/ Kiều Công Hãn chiếm Phong Châu và

12/ Nguyễn Thủ Tiệp chiếm Tiên Du

ĐINH TIÊN HOÀNG (968 – 979)

Họ Đinh tên húy là Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, con của thứ sử châu Hoan Đinh Công Trứ, Trứ là nha tướng Dương Đình Nghệ, dẹp yên các sứ quân, tự lập làm đế, ở ngôi 12 năm (968-979), bị nội nhân là Đỗ Thích giết, thọ 56 tuổi, táng ở Sơn Lăng Trường Yên.

Vua tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, quét sạch các hùng trưởng, tiếp nối quốc thống của Triệu Vũ (Đế) song không biết dự phòng, không giữ được trọn đời, tiếc thay !

Vua mồ côi từ bé, mẹ họ Đàm đưa gia thuộc vào ở cạnh đến sơn thần trong động. Chơi với các trẻ cùng lứa. Chúng tôn Lĩnh làm tướng, treo tay nhau làm kiệu dùng hoa lau làm cờ rước như nghi tượng thiên tử.

Năm 967 Đinh Bộ Lĩnh cùng con là Liễn nghe tiếng Trần Minh Công là người có đức mà không có con nổi xin đến nương tựa. Về sau Công trao quyền - được sai đi đánh các Hào trưởng, Đinh bộ Lĩnh đánh đâu thắng - nhân dân các nơi khâm phục theo về.

Năm 968 lên ngôi, đặt quốc hiệu là ĐẠI CỒ VIỆT đời kinh ấp về động Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới đắp thành, đào hào xây cung điện đặt triều nghi lập ra luật pháp nghiêm minh.

Năm 971 bắt đầu quy định cấp bậc văn võ tăng đạo.

Năm 974 mùa xuân tháng 2 Giáp Tuất quy định về quân : mỗi đạo có 10 quân, 1 quân có 10 lữ, 1 lữ có 10 tốt, 1 tốt có 10 ngũ, 1 ngũ có 10 người, đầu đội mũ bình đình (phẳng đầu) vuông bốn góc, quy chế mũ này còn mãi về sau.

Năm 978 lập con nhỏ là Hạng Lang làm hoàng thái tử ý muốn truất Nam Việt Vương Đinh Liễn.

Năm Bính Tý (976) đầu xuân thuyền buôn của các nước đem sản vật của nước họ.

Qua năm Kỷ Mão (979) Nam Việt Vương Đinh Liễn giết em mình là Hạng Lang - Tháng 10 chi hậu nội nhân Đỗ Thích giết vua ở sân cung nhân khi vua ăn yến ban đêm rồi say rượu. Thích giết luôn cả Nam Việt Vương Đinh Liễn.

ĐINH TOÀN - PHẾ ĐẾ (980)

Tên húy là Toàn, con thứ của Tiên Hoàng, ở ngôi 8 tháng. Họ Lê cướp ngôi giáng phong là Vệ Vương, thọ 18 tuổi (974-991). Vua còn thơ ấu phải nối nghiệp lớn gian nan, cường thần nhiếp chính, người trong nước lia lòng, nhà Đinh mất.

Đinh quốc công Nguyễn Bặc cùng Thập đạo tướng quân Lê Hoàn rước Vệ Vương Toàn 6 tuổi lên ngôi hoàng đế tôn mẹ đẻ của Toàn, Dương Thị làm Hoàng Thái Hậu. Rước linh cữu của Đinh Bộ Lĩnh về táng ở Sơn Lăng - Trường Yên.

Năm (980) Phạm Cự Lạng làm đại tướng âm mưu cùng thái hậu tôn Lê Hoàn lên ngôi Thiên Tử